

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2018
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa
Chị O và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Giới;
2. Ông Trần Thanh Cường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị O, sinh năm 1970 “có mặt”

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1966 “vắng mặt”

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị O trình bày: Chị và anh Đỗ Xuân H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cưới xong chị về chung sống cùng gia đình anh H ngay tại thôn L, xã T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Đến năm 1995 thì chị và anh H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không chịu khó làm ăn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị và anh H đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn, không thể đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh H có hai con chung, cháu Đỗ Đức Thịnh, sinh ngày 18/6/1990 và cháu Đỗ Thị Khánh Linh, sinh ngày 24/02/2000. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản riêng, chung; công nợ chung: Chị O không đề nghị giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa, bị đơn anh Đỗ Xuân H trình bày: Về thời gian chung sống và không có đăng ký kết hôn như chị O khai là đúng. Anh xác định chị O từ khi đi nước ngoài về tự ý bỏ đi, còn về phía anh, anh không có mâu thuẫn gì với chị O. Nay chị O làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị O anh đồng ý.

Về nuôi con chung; Về tài sản riêng, chung; công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị O và anh Đỗ Xuân H.

Về con chung, tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Bị đơn anh Đỗ Xuân H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị O và anh Đỗ Xuân H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cả chị O và anh H đều cho rằng giữa hai người không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được và đều đề nghị Tòa án giải quyết không công

nhận là vợ chồng. Do vậy cần căn cứ các Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị O và anh Đỗ Xuân H.

Về nuôi con chung; Về tài sản; công nợ: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị O và anh Đỗ Xuân H.

2. *Về án phí:* Chị Trần Thị O phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị O đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0003174 ngày 10/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lê Ngọc Giới Trương Thanh Cường

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh